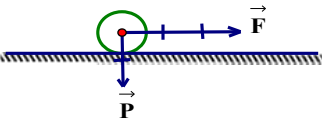


Câu	Đáp án	Điểm
I. PHẦN SINH HỌC		
Câu 1 (1,0đ)	a) Tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của sự sống. b) (1) Các thành phần, (2) Màng tế bào.	0,5 0,5
Câu 2 (1,0đ)	(1) cấu trúc, (2) tế bào, (3) iodine, (4) xanh methylene.	0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 3 (2,0đ)	a) Tế bào hồng cầu, tế bào niêm mạc miệng, tế bào trứng, tế bào cơ. b) Tế bào hồng cầu: vận chuyển oxygen; Tế bào cơ: tạo ra sự co giãn trong vận động; Tế bào trung: tham gia vào sinh sản; Tế bào niêm mạc miệng: bảo vệ khoang miệng	1 0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 4 (1,0đ)	Tế bào có nhiều hình dạng khác nhau: hình cầu (tế bào trung), hình đĩa (tế bào hồng cầu), hình sợi (tế bào sợi nấm), hình sao (tế bào thần kinh), hình trụ (tế bào lót xoang mũi), hình thoi (tế bào cơ trơn), hình nhiều cạnh (tế bào biểu bì), ...	1
Câu 5 (2,0đ)	a) Tế bào tăng nhanh về kích thước: màng tế bào giãn ra, chất tế bào nhiều thêm, nhân tế bào lớn dần. b) Nhân tế bào c) 4 lần. d) 	0,5 0,5 0,5 0,5
Câu 6 (1,0đ)	- Vì lớp biểu bì da ếch rất mỏng, trong suốt, khi nhuộm bằng thuốc nhuộm xanh methylene sẽ làm cho nhân tế bào bắt màu, giúp chúng ta quan sát rõ và phân biệt được các thành phần cấu tạo nên tế bào.	0,5 0,5
II. PHẦN HÓA HỌC		
Câu 1 (1,5đ)	- Ở thể hơi (khí), các hạt cấu tạo nên chất chuyển động tự do, - Khoảng cách giữa các hạt rất xa nhau làm thể tích hơi nước tăng lên	0,5 0,5

	rất nhiều so với thể lỏng.	0,5
Câu 2 (2,0đ)	a) Đường mía (sucrose/ saccharose): => Ở điều kiện thường nó tồn tại ở thể rắn, là chất màu trắng (không màu), vị ngọt, tan trong nước.	0,25
	b) Muối ăn (sodium chloride): => Ở điều kiện thường nó tồn tại ở thể rắn, là chất màu trắng (không màu), vị mặn, tan nhiều trong nước.	0,5
	c) Sắt (iron): => Ở điều kiện thường nó tồn tại ở thể rắn, màu trắng xám, dẫn điện, dẫn nhiệt tốt.	0,5
	d) Nước: => Ở điều kiện thường nó tồn tại ở thể lỏng hoặc khí (hơi, là chất không màu, không mùi, không vị, có thể hoà tan được nhiều chất khác.	0,75
Câu 3 (1,5đ)	- Khi nhiệt độ cơ thể tăng cao thì khoảng cách giữa các hạt của chất thủy ngân tăng lên làm thể tích tăng lên	0,75
	=> chiều Cao của cột thủy ngân trong nhiệt kế cũng tăng lên.	0,75
III. PHẦN VẬT LÝ		
Câu 1 (1,5đ)	a) - Khoảng thời gian đi bộ từ cổng trường vào lớp học khá ngắn, để chính xác nên dùng loại đồng hồ bấm giây	0,5
	b) Đổi các nhiệt độ sau ra đơn vị $^{\circ}\text{F}$ và $^{\circ}\text{C}$ là: $116^{\circ}\text{F} = (116 - 32) : 1,8 = 46,67^{\circ}\text{C}$ $95^{\circ}\text{C} = 95 \cdot 1,8 + 32 = 142,5 + 32 = 174,5^{\circ}\text{F}$	0,5
	c) Đổi các đơn vị thể tích sau ra đơn vị m^3 : $1200\text{cm}^3 = 0,0012 \text{ m}^3$ $20 \text{ lít} = 0,02 \text{ m}^3$	0,5
Câu 2 (4,0đ)	1. Vì $F = 60\text{N}$ và $P = 40\text{N}$; theo tỉ xích 20N nên ta có hình vẽ biểu diễn độ lớn của lực đẩy đó là:	0,5
		0,5
	2. - Có hai lực tác dụng lên quyển sách là: Trọng lực (P) và lực (F) nâng của mặt bàn.	0,5
	- Nhận xét: + Hai lực có phương thẳng đứng nhưng ngược chiều.	0,25
	+ Hai lực đó là hai lực cân bằng: $F = P$	0,25
	3. a) Độ biến dạng của lò xo là: $\Delta l = l - l_0 = 19,5 - 15 = 4,5 \text{ cm}$	0,5
	b) Trọng lượng của quả nặng là: $P = 10 \cdot m = 10 \cdot 0,2 = 2 \text{ N}$	0,5
	4. Thuyền đã chịu tác dụng lực đẩy của gió lên cánh buồm. Hay lực đẩy của gió tác dụng lên cánh buồm làm cho thuyền chuyển động về phía trước.	1,0

Câu 3 (1đ)	- Đổi $50 \text{ m/s} = 180 \text{ km/h}$ - Vì máy bay 2 bay cao hơn và có vận tốc lớn hơn máy bay 1 nên máy bay 2 có thể năng và động năng lớn hơn máy bay 1. Vì vậy cơ năng của máy bay 2 lớn hơn máy bay 1.	0,25 0,75
Câu 4 (0,5đ)	Mặt Trời chỉ chiếu sáng được một nửa Trái Đất vì: Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời luôn chỉ chiếu sáng được một nửa Trái Đất.	0,5

***Ghi chú:** Học sinh làm bài theo cách khác đúng vẫn cho đủ điểm. Học sinh ghi thiếu đơn vị hoặc không ghi đơn vị của bài toán thì kết quả đó không được tính điểm.